

Bản án số: **31/2021/HS-ST**
Ngày: 21/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng;
Ông Nguyễn Ngọc Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung K, sinh ngày 12/02/1984, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Trung P, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962; vợ: Trần Thị V, sinh 1988; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Thao B (tên gọi khác: **B**); sinh ngày: 02/3/1970, tại Lào; nơi cư trú: Bản M, cụm bản K, huyện S, tỉnh Savannakhet, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; quốc tịch: Lào; dân tộc: Tri (Vân kiều); tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Hồ B (đã chết); con bà Hồ A L (không nhớ rõ năm sinh); vợ A L, sinh 1976; có 05 người con, (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tuyên phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

3. **Lê Kim H**, sinh ngày: 10/12/1971, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Kim Y, sinh năm 1945; con bà Phan Thị G, sinh năm 1950; vợ Nguyễn Thị L, sinh 1969; có 02 người con, (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 18/01/2021 cho đến nay; có mặt.

4. **Nguyễn Thị Kim V**, sinh ngày: 20/8/1986, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1952 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957; chồng Phan Văn S, sinh 1978, (đã ly hôn); có 02 người con, (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa tuyên phạt 5.000.000 đồng về tội “*Buôn lậu*”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 18/01/2021 cho đến nay; có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị A L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Bản M, cụm bản K, huyện S, tỉnh Savannakhet, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người phiên dịch: Bà Nguyễn Thị Xuân L; nơi cư trú: 19 O, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 01/12/2020, Nguyễn Duy M (trú tại thôn Q, xã H, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị) điện thoại cho Nguyễn Trung K nhờ K đưa sang Lào, với giá thỏa thuận là 4.000.000 đồng và hẹn ngày 04/12/2020 sẽ xuất phát từ ngã ba Tân

Long, huyện Hướng Hóa. Ngày 02/12/2020, M gặp một người phụ nữ tên U (không rõ lai lịch), biết người này có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Lào nên M đã hẹn sáng ngày 04/12/2020 có mặt tại ngã ba Tân Long để cùng đi. Sau đó, M điện thoại trao đổi với K là có thêm một người phụ nữ đi cùng và K đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 04/12/2020, M và U có mặt tại Tân Long, M điện cho K thì được K cho số điện thoại của Hồ N (trú tại xã T, huyện Hướng Hóa) để thuê chở M và U đến bến đò sông S. Sau đó, K điện thoại cho Thao B thuê chở M và U qua đến bờ sông chợ K (Lào) thì B đồng ý. Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, Ngam chở M và U đến bến sông S (thuộc địa phận thôn B, xã T, huyện Hướng Hóa). Khi đến bến sông thì U đổi ý quay về, còn M chuẩn bị xuống đò thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 01/12/2020, một người đàn ông tên L, trú tại Bản M (Lào) đến nhà Thao B đặt vấn đề thuê B chở 03 người Việt Nam (được xác định đó là Lô Thị N, trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Tiến T, trú tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và Nguyễn Văn T, trú tại huyện H, tỉnh Nghệ An) từ quán cà phê P tại ngã ba Tân Long, Hướng Hóa đến bến sông S thuộc Thôn N, xã T, huyện H để xuất cảnh trái phép sang Lào với giá 400.000 đồng/03 người thì B đồng ý. B gọi điện thuê Nguyễn Thị Kim V chở 03 người và hành lý xuống bến sông S để Thao B chở sang Lào và cho V số điện thoại của người phụ nữ trong số 03 người nói trên để liên hệ. Sau đó, V điện thoại cho Lê Kim H cùng chở những người trên xuống bờ sông S để xuất cảnh trái phép sang Lào thì H đồng ý (qua trao đổi với B thì V và H tự lấy tiền công từ những người này và có ý định sẽ lấy 50.000 đồng/người). V điện thoại gặp Lô Thị N thì biết được ba người trên đang ngồi trong quán cà phê P tại ngã ba Tân Long nên đến chở. Khi H và V chở người và hành lý xuống bến sông thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Trung K và Lê Kim H tự khai nhận: Vào ngày 15/11/2020, một người đàn ông tên T làm nghề lái taxi ở huyện Đ, tỉnh Salavan, Lào gọi điện thuê K đưa 03 người đàn ông (không rõ lai lịch) xuất cảnh trái phép sang Lào, hai bên thỏa thuận tiền công là 7.000.000 đồng/người. Sau khi có được số điện thoại của Lê Kim H từ anh Lê Văn C (trú tại thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị), K gọi điện cho H thuê chở 03 người xuất cảnh sang Lào thì H đồng ý. Ngày 18/11/2020, K rủ Chung đi chơi; khi cả hai vào khu vực đường Đ, gần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị đón 03 người đàn ông không quen biết (là những người do T giới thiệu trước đó) rồi tất cả đi xe khách lên quán cà phê T ở xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Tại quán cà phê T, K yêu cầu ba người đàn ông đi cùng đưa tiền để trả tiền xe, tiền đò thì những người này nhờ tài khoản người quen (chủ tài khoản là Nguyễn Trung T, trú tại: Chu M, B, Hà Nội) chuyển vào tài khoản của vợ K là Trần Thị V số tiền 10.000.000 đồng. Do không mang theo thẻ ngân hàng nên K nhờ tài khoản của chị Đỗ Thị Hoài T- chủ quán cà phê và nói với những người này chuyển tiếp 7.000.000 đồng vào tài khoản của chị T. Đến trưa cùng ngày, Lê Kim H cùng với anh

Võ T (trú tại xã T, huyện Hướn Hóa) đến quán cà phê và chở 03 người đàn ông trên ra bên đò thôn B. Tại đây H gặp Thao B và thống nhất tiền công chở những người này sang Lào là 1.100.000 đồng/người. H quay lại quán cà phê T gặp K và lấy số tiền 4.200.000 đồng. Ngày hôm sau, K sang Lào, liên hệ với ba người đàn ông vượt biên hôm trước và nhận đủ số tiền 4.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Đối với số tiền 4.200.000 đồng H nhận được, H giữ lại 600.000 đồng, đưa cho Võ T 300.000 đồng. Số tiền 3.300.000 đồng còn lại chiều cùng ngày H gặp và trả tiền đò cho Thao B; Thao B giữ lại 1.600.000 đồng, trả 1.700.000 đồng cho người lái đò tên P -người đưa 03 người đàn ông đến K, bản M, Lào tại địa phận nước Lào).

Cáo trạng số: 29/CT-VKS-P1 ngày 22/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” trong đó: Bị cáo Thao B, Nguyễn Trung K, Lê Kim H theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 BLHS; bị cáo Nguyễn Thị Kim V theo quy định tại khoản 1 Điều 348 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố các bị cáo Thao B, Nguyễn Trung K, Lê Kim H, Nguyễn Thị Kim V phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 BLHS đề nghị xử phạt Thao B 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 16/12/2020.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57 BLHS đề nghị xử phạt Nguyễn Trung K 03 năm 6 tháng đến 4 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 13/12/2020.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57, Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt Lê Kim H từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 57 BLHS đề nghị xử phạt Nguyễn Thị Kim V từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; các khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu ViVo kèm theo sim của Thao B, ½ giá trị chiếc đò có gắn máy nhãn hiệu Honda của Thao B; 01 điện thoại nhãn hiệu ViVo kèm theo sim, thẻ nhớ của Nguyễn Trung K, 01 điện thoại nhãn hiệu nokia Model TA 1034 kèm theo sim, 01 xe mô tô BKS 74H1-6157 của Nguyễn Thị Kim V, 01 điện thoại nhãn hiệu nokia Model RM 1172 kèm theo sim, ½ giá trị

chiếc xe mô tô BKS 29R4-1510 của của Lê Kim H (đây là phương tiện các bị cáo liên lạc, vận chuyển trong quá trình thực hiện tội phạm).

Trả lại cho Nguyễn Trung K 01 giấy thông hành mang tên Nguyễn Trung K; 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Trung K; trả lại cho chị A L (vợ của bị cáo Thao B) ½ giá trị chiếc đồ có gắn máy; trả lại cho chị Nguyễn Thị L (vợ của bị cáo Lê Kim H) ½ giá trị xe mô tô BKS 29R4-1510.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu số tiền thu lợi bất chính 16.800.000 đồng của Nguyễn Trung K; 600.000 đồng của Lê Kim H; 1.600.000 đồng của Thao B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vì mục đích vụ lợi nên trong các ngày 18/11/2020, 01/12/2020 và ngày 04/12/2020, các bị cáo Nguyễn Trung K, Thao B, Lê Kim H và Nguyễn Thị Kim V đã tổ chức cho nhiều người xuất cảnh trái phép sang Lào để nhận tiền công. Trong đó, Thao B tham gia 03 lần tổ chức cho 08 người xuất cảnh trái phép; K tham gia 02 lần cho 05 người; H tham gia 02 lần cho 06 người; V tham gia 01 lần cho 03 người. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” trong đó: Bị cáo Nguyễn Trung K, Thao B, Lê Kim H theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 BLHS; bị cáo Nguyễn Thị Kim V theo quy định tại khoản 1 Điều 348 BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Tiến T, Lô Thị N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Duy M có hành vi xuất cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, làm rõ và đã xử phạt hành chính.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, mà còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các

cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở Việt Nam. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã bất chấp, tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo mức án thật nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án HĐXX thấy rằng:

[4.1]. Bị cáo Nguyễn Trung K là người có vai trò cao nhất là người móc nối, trực tiếp nhận tiền công đồng thời K là bị cáo nhận tiền thu lợi bất chính nhiều nhất. Bị cáo Thao B 01 lần móc nối và là người thực hành chính dùng đồ của cá nhân để vận chuyển người xuất cảnh trái phép qua sông. Bị cáo Lê Kim H và Nguyễn Thị Kim V là người giúp sức nên vai trò thấp hơn.

[4.2]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc xuất, nhập cảnh đều phải tạm thời ngừng, các bị cáo đã lợi dụng dịch bệnh tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép để thu lợi. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Lợi dụng...dịch bệnh để phạm tội*” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, riêng bị cáo Thao B chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*”. Bị cáo Nguyễn Trung K và Lê Kim H đã tự thú về hành vi của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Trung K có ông ngoại là Liệt sỹ; Lê Kim H có vợ bị bệnh động kinh, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bản thân bị cáo có đóng góp trong hoạt động phòng chống tội phạm ở khu vực biên giới được xác nhận của Công an thôn và UBND xã T; Nguyễn Thị Kim V là lao động duy nhất trong gia đình; Thao B là người dân tộc thiểu số, người nước ngoài ở khu vực biên giới, không biết chữ nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành quy định tại Điều 15 BLHS. Bởi vì, trong vụ thứ nhất bị cáo K và Thao B chuẩn bị xuống đồ để đưa người xuất cảnh qua sông thì bị lực lượng chức năng phát hiện ngăn chặn; vụ thứ 02 khi bị cáo H và V trên đường chở hành lý và người xuống bến đồ thì bị phát hiện bắt giữ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt quy định tại Điều 57 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Trung K và Lê Kim H có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề. HĐXX thấy rằng, việc cách ly bị cáo Lê Kim H ra khỏi xã hội một thời gian là không cần thiết mà cho bị cáo

được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện làm việc chăm sóc vợ bị bệnh không lao động được cũng như nuôi dưỡng các con.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim V là người có vai trò thấp nhất trong vụ án, tham gia chuyên chở hành lý và được trả tiền công chỉ với 50.000 đồng, số tiền này V cũng chưa nhận được, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay là lao động duy nhất, đã ly hôn một mình phải nuôi 02 con đang độ tuổi ăn học nếu phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian sẽ ảnh hưởng đến tương lai của các cháu. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, 3 Điều 54 BLHS và xem xét cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc đồ và 01 động cơ máy của bị cáo Thao B; 01 xe mô tô Honda BKS 29 - R4 1510 của bị cáo H quá trình điều tra, xác M là tài sản chung của vợ chồng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị các vật chứng trên tại thời điểm định giá tài sản.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Kim V: 01 xe mô tô BKS 74H1-6137 (kèm theo 01 Giấy đăng ký xe) và 04 điện thoại do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K: 01 giấy thông hành và 01 giấy phép lái xe; trả lại cho chị A L: $\frac{1}{2}$ giá trị 01 chiếc đồ, động cơ máy; trả lại cho chị Nguyễn Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị 01 xe mô tô Honda BKS 29 - R4 1510.

[6]. Biện pháp tư pháp:

Ngày 18/11/2020 bị cáo Nguyễn Trung K đã tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép thu lợi 16.800.000 đồng; Thao B chở 03 người thu lợi 1.600.000 đồng; Lê Kim H thu lợi số tiền 600.000 đồng. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính trên để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Trung K và Thao B theo các Quyết định tạm giam số: 37, 38/2021/QĐTG- HSST ngày 23/6/2021 và tiếp tục Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lê Kim H và Nguyễn Thị Kim V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K, Thao B (tên gọi khác: A B), Lê Kim H, Nguyễn Thị Kim V phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm l khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt bị cáo: **Nguyễn Trung**

K: 03 (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/12/2020.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm l khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt bị cáo: **Thao B: 04** (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/12/2020.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm l khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt: bị cáo **Lê Kim H: 30** (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Kim H cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm l khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 54; Điều 36; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị Kim V: 18** (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim V cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim V được miễn khẩu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước do bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, việc làm không ổn định, thu nhập thấp, bản thân phải nuôi 02 con (sinh năm 2007 và 2013).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- ½ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 chiếc đồ không nhãn hiệu, mạn đồ bằng gỗ, hẹp về phía đầu mũi, lòng đồ vằng kim loại, kích thước: chiều dài khoảng 13m; nơi rộng nhất khoảng 2,5m; phần mạn gỗ phía trước mũi đồ bị Bg ra, phần đuôi đồ rộng khoảng 2,2m, đồ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 động cơ máy nhãn hiệu HONDA GX390, ký hiệu HONDA 389 cm³, số máy QHTN GCBĐT-1747317, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

- ½ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave 110, màu đỏ đen, biển kiểm soát 29-R4 1510 số khung không xác định, số máy

LC152FMH*02180353*. Xe không có mang yếm mang dưới, không có đèn hậu phía sau bên trái. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra xác định tình trạng hoạt động của xe.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, BKS 74H1-6137 màu đỏ đen, số khung: RLHHC09047Y131439, số máy: HC09E-5231527. Không có bộ vỏ nhựa, không có yếm mang, không có gương chiếu hậu, không có cụm đèn hậu ở phía sau xe, trên yên xe có gắn 01 giá gỗ tự động. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra xác định tình trạng hoạt động của xe; kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 0006332; tên chủ xe: Nguyễn Thanh Bình, biển số đăng ký 74H1 - 6137.

- 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, ký hiệu AI TRIPLE CAMERA, vỏ máy màu đỏ đen, trong khe sim có 02 sim, sim 1 ký hiệu: 4G VIETTEL 8984 04800 00433 60889, sim 02 ký hiệu unitel Mobile 8945 7030 0213 0303 627. Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, vỏ máy màu đỏ tím, trong khe sim có 02 sim và 01 thẻ nhớ, sim 1 ký hiệu: 4G VIETTEL 8984 04800 03111 01312, sim 02 ký hiệu unitel 8945 70300 21159 10199, thẻ nhớ ký hiệu Sandisk 8GB Micro. Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model: TA - 1034, số IMEI1: 358989096581907, số IMEI2: 358989097581906, bên trong khe sim có 02 thẻ sim, sim 01 ký hiệu: 2G, 3G, 4G 8984 04800 00326 27755 4G VIETTEL, sim 02 ký hiệu: 89840 44008 81323 3383 4G VIETTEL. Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model: RM - 1172, số IMEI1: 357318086026973, số IMEI2: 357318088204479, bên trong khe sim có 02 thẻ sim, sim 01 ký hiệu: 2G, 3G, 4G 8984 0480 0882 8228 338 4G VIETTEL, sim 02 ký hiệu: 4G vinaphone 898402000 10748506839. Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K:*

- 01 giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào số: QT821/2020BG/XNC cấp ngày 19/11/2020; nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị, mang tên: Nguyễn Trung K.

- 01 Giấy phép lái xe số: 650200013927, cấp ngày 10/11/2020, nơi cấp: Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị, mang tên: Nguyễn Trung K.

** Trả lại cho chị A L:*

- ½ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 chiếc đồ không nhãn hiệu, mạn đồ bằng gỗ, hẹp về phía đầu mũi, lòng đồ vằng kim loại, kích thước: chiều dài khoảng 13m; nơi rộng nhất khoảng 2,5m; phần mạn gỗ phía trước mũi đồ bị Bg ra, phần đuôi đồ rộng khoảng 2,2m, đồ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 động cơ máy nhãn hiệu HONDA GX390, ký hiệu HONDA 389 cm³, số máy QHTN GCBĐT-1747317, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

** Trả lại cho chị Nguyễn Thị L:*

- ½ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave 110, màu đỏ đen, biển kiểm soát 29-R4 1510 số khung không xác định, số máy LC152FMH*02180353*. Xe không có mang yếm mang dưới, không có đèn hậu phía sau bên trái. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra xác định tình trạng hoạt động của xe.

(Vật chứng trên hiện có tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 30/6/2021 và tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2021).

4. Biện pháp tư pháp:

Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Nguyễn Trung K số tiền 16.800.000 đồng *(mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng)*.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Thao B số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Lê Kim H 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng)* (bị cáo đã thi hành xong theo biên thu tiền số 000930 ngày 13/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trung K, Thao B, Lê Kim H, Nguyễn Thị Kim V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến mình; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng;
- UBND xã Tân Thành;
- Các bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Dũng